|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Chiềng Ơn**  **Tổ: THCS** | Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Quy |

**CHƯƠNG 3. THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM**

**BÀI 9. THỔ NHƯỠNG VIỆT NAM**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 6 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.

- Trình bày được đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính.

- Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản..

- Chứng minh tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.

+Trình bày được đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính.

+ Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

+ Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản..

+ Chứng minh tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr131-133.

+ Sử dụng bản đồ hình 9.3 tr132 để nhận xét đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tìm hiểu về tài nguyên đất ở địa phương nơi em sinh sống và viết báo cáo ngắn về nhóm đất chủ yếu ở địa phương và giá trị sử dụng.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, ý thức bảo vệ tài nguyên đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí VN.

- Hình 9.1. Đồi chè Mộc Châu, Sơn La; hình 9.2. Vườn cà phê Krông Búk, Đăk, Lăk, hình 9.3. Bản đồ các nhóm đất chính ở VN, hình 9.4. Cánh đồng lúa ở Vũ Thư, Thái Bình; hình 9.5. Trang trại nuôi tôm ở Kiên Lương, Kiên Giang; hình 9.6. Xói mòn ở khu vực miền núi phía Bắc, hình 9.7. Đất trống, đồi núi trọc ở Tây Nguyên phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat Địa lí VN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV cho HS nghe lời bài hát “Hành trình trên đất phù sa” do nhạc sĩ Thanh Sơn sáng tác.

***c. Sản phẩm*:** HS đoán được tên bài hát “Hành trình trên đất phù sa” và vùng, miền được nói đến do GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV cho HS nghe lời bài hát bài hát “Hành trình trên đất phù sa” do nhạc sĩ Thanh Sơn sáng tác.

“Chim tung bay hót vang trong bình minh  
Chân cô đơn, áo phong sương hành trình  
Từ Long An, Mộc Hoá, Mỹ Tho xuôi về Gò Công  
Tiền Giang ngút ngàn như một tấm thảm lúa vàng

Thương em tôi áo đơn sơ bà ba  
Trên lưng trâu nước da nâu mặn mà  
Hò hò ơi, cây lúa tốt tươi, thêm mùi phù sa  
Đẹp duyên Tháp Mười, quên đời tảo tần vui cười

Quýt Cái Bè nổi tiếng ngọt ngay  
Ai ăn rồi nhớ mãi miền Tây  
Ngồ ngộ ghê, gái miền Tây má hây hây  
Với các cô đời bao thế hệ  
Phù sa ơi đậm tình hương quê

Qua Long Xuyên đến Vĩnh Long, Trà Vinh  
Sông quê tôi thắm trong tim đậm tình  
Phù sa ơi, ngây ngất bước chân, tôi về không nỡ  
Ở cũng chẳng đành, quê miền đất ngọt an lành

Quê hương tôi vẫn bên sông Cửu Long  
Dân quê tôi sống quanh năm bên ruộng đồng  
Từ ngàn xưa, cây lúa đã nuôi dân mình no ấm  
Phù sa mát ngọt như dòng sữa mẹ muôn đời

Đêm trăng thanh chiếu trên sông Cần Thơ  
Vang xa xa thoáng câu ca hò lờ  
Về Tây Đô nhớ ghé Sóc Trăng nghe điệu lâm thôn  
Dù kê hát đình nhưng tình cảm gần như mình

Nắng sớm về trái chín thật mau  
Cơn mưa chiều tưới mát ruộng sâu  
Phù sa ơi, bốn mùa cây trái đơm bông  
Gái bên trai tình quê thắm nồng  
Điệu dân ca ngọt ngào mênh mông

Sông quê ơi, nắng mưa bao ngàn xưa  
Tôi không quên lũy tre xanh hàng dừa  
Về Bạc Liêu nghe hát cải lương sau đờn vọng cổ  
Cà Mau cuối nẻo đôi lời gửi lại chữ tình”

\* Sau khi HS nghe bài hát, GV yêu cầu HS cho biết tên bài hát và bài hát nói đến vùng, miền nào của nước ta?

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS nghe lời bài hát và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: tên bài hát: “Hành trình trên đất phù sa” và vùng, miền được nói đến là vùng Đồng bằng sông Cửu Long hay miền Tây.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: qua lời bài hát “Hành trình trên đất phù sa” do nhạc sĩ Thanh Sơn sáng tác phần nào cho các em giá trị mà đất phù sa mang lại đó là vựa lúa, vựa cây ăn trái cho Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, đất phù sa cũng như đất feralit còn giá trị sử dụng nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (190 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. (30 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.

***b. Nội dung*:** Dựa vào kênh chữ SGK tr134, 135 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bày và sự hiểu biết của bản thân, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Thỗ nhưỡng là gì?*  *2. Những nhân tố nào đã tác động đất sự hình thành thỗ nhưỡng nước ta?*  *3. Vì sao thổ nhưỡng nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa?*  *4. Nêu biểu hiện của tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.*  *5. Kể tên các nhóm đất chính ở nước ta.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS đọc kênh chữ trong SGK và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Thổ nhưỡng là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt các lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì.  2. Các nhân tố hình thành đất ở nước ta: đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian, con người.  3. Nguyên nhân:  - Ở khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.  - Lượng mưa tập trung theo mùa rửa trôi các chất badơ dễ tan đồng thời tích tụ oxit sắt và oxit nhôm.  - Một số nơi mất đi lớp phủ thực vật.  4. Biểu hiện:  - Lớp thổ nhưỡng dày.  - Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của nước ta.  - Đất feralit thường bị rửa trôi, xói mòn mạnh.  5. Nước ta có 3 nhóm đất chính: nhóm đất feralit, đất phù sa và đất mùn núi cao.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng:**  - Đá mẹ là nguồn gốc cung cấp vật chất vô cơ cho đất. Đá mẹ có ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất.  - Khí hậu, đặc biệt là nhiệt độ và lượng mưa, quyết định mức độ rửa trôi, thúc đẩy quá trình hòa tan, tích tụ hữu cơ.  - Sinh vật đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành đất. Thực vât cung cấp vật chất hữu cơ, vi sinh vật phân giải xác súc vật tạo mùn, động vật làm đất tơi xốp hơn. | **1. Tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng**  - Lớp phủ thổ nhưỡng dày.  - Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của nước ta.  - Đất feralit thường bị rửa trôi, xói mòn mạnh. |

**2.2. *Tìm hiểu về Ba nhóm đất chính (115 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS:

- Trình bày được đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính.

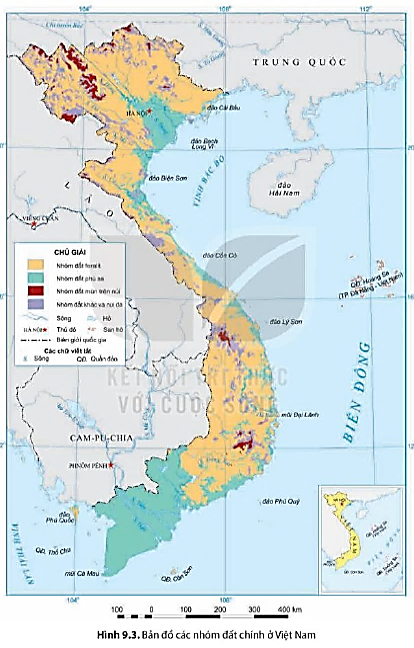
- Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản..

***b. Nội dung*:** Dựa vào hình 9.1 đến 9.5 hoặc Atlat ĐLVN và kênh chữ SGK tr135-138 suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.







***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV treo hình 9.1 đến 9.5 lên bảng.  \* GV chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm từ 6 đến 8 em, yêu cầu HS quan sát hình 9.1 đến 9.5 hoặc Atlat ĐLVN thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 15 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2, 3 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nhóm đất feralit chiếm diện tích bao nhiêu?* |  | | *Xác định sự phân bố nhóm đất feralit trên bản đồ.* |  | | *Trình bày đặc điểm của nhóm đất feralit.* |  | | *Phân tích giá giá trị sử dụng của nhóm đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.* |  |   2. Nhóm 4, 5, 6 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nhóm đất phù sa chiếm diện tích bao nhiêu?* |  | | *Xác định sự phân bố nhóm đất phù sa trên bản đồ.* |  | | *Trình bày đặc điểm của nhóm đất phù sa.* |  | | *Phân tích giá giá trị sử dụng của nhóm đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.* |  |   2. Nhóm 7, 8, 9 – phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nhóm đất mùn núi cao chiếm diện tích bao nhiêu?* |  | | *Xác định sự phân bố nhóm đất mùn núi cao trên bản đồ.* |  | | *Trình bày đặc điểm của nhóm đất mùn núi cao.* |  | | *Cho biết giá trị sử dụng của nhóm đất mùn núi cao.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát hình 9.1 đến 9.5 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ SGK tr135-138, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 2, 5, và 8 lên thuyết trình và câu trả lời và xác định trên bản đồ trước lớp:  1. Nhóm 2 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nhóm đất feralit chiếm diện tích bao nhiêu?* | Chiếm tới 65% diện tích đất tự nhiên. | | *Xác định sự phân bố nhóm đất feralit trên bản đồ.* | Phân bố ở các tỉnh trung du và miền núi, từ độ cao 1600 đến 1700m trở xuống. Đất hình thành trên các đá mẹ khác nhau. Trong đó :  - Đất feralit hình thành trên đá vôi phân bố chủ yếu ở Tây Bắc, đông bắc và Bắc Trung bộ.  - Đất feralit hình thành trên đá bazan phân bố tập trung ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. | | *Trình bày đặc điểm của nhóm đất feralit.* | - Đất Feralit có chứa nhiều oxit sắt và oxit nhôm tạo nên màu đỏ vàng.  - Đặc tính của đất feralit là: có lớp vỏ phong hóa dày thoáng khí, dễ thoát nước, đất chua, nghèo các chất badơ và mùn.  - Đất feralit hình thành trên đá badan và đá vôi có độ phì cao nhất. | | *Phân tích giá giá trị sử dụng của nhóm đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.* | - Trong lâm nghiệp: thích hợp phát triển rừng sản xuất với các loại cây như thông, bạch đàn, xà cừ, keo, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ.  - Trong nông nghiệp:  + Trồng các cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, cao su, hồ tiêu,…), cây dược liệu (quế, hồi, sâm,…).  + Trồng các loại cây ăn quả như: bưởi, cam, xoài… |   2. Nhóm 5 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nhóm đất phù sa chiếm diện tích bao nhiêu?* | Chiếm khoảng 24% diện tích đất tự nhiên. | | *Xác định sự phân bố nhóm đất phù sa trên bản đồ.* | Chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng duyên hải miền Trung. | | *Trình bày đặc điểm của nhóm đất phù sa.* | Được hình thành do sản phẩm bồi đắp của sự phù sa, các hệ thống sông và phù sa biển. Nhìn chung, đất phù sa có độ phì cao, rất giàu dinh dưỡng.  - Đất phù sa sông Hồng: ít chua, tơi xốp, giàu chất dinh dưỡng.  - Đất phù sa sông Cửu Long: đất phù sa ngọt có độ phì cao.  - Đất phù sa ở dải đồng bằng ven biển miền Trung: độ phì thấp hơn, nhiều cát, ít phù sa sông. | | *Phân tích giá giá trị sử dụng của nhóm đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.* | - Trong nông nghiệp: phù sa là nhóm đất phù hợp để sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm và cây ăn quả.  - Trong thủy sản: đất phù sa ở các cửa sông, ven biển có nhiều lợi thế để phát triển ngành thuỷ sản. Vùng đất phèn, đất mặn tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh bắt thuỷ sản. Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho nuôi trồng nhiều loại thuỷ sản nước lợ và nước mặn. |   2. Nhóm 8 – phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nhóm đất mùn núi cao chiếm diện tích bao nhiêu?* | Chiếm khoảng 11% diện tích đất tự nhiên. | | *Xác định sự phân bố nhóm đất mùn núi cao trên bản đồ.* | Phân bố rải rác ở các khu vực núi có độ cao từ 1600 - 1700 m trở lên. | | *Trình bày đặc điểm của nhóm đất mùn núi cao.* | Được hình thành trong điều kiện khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới núi cao, nhiệt độ thấp khiến quá trình phong hóa, phân giải các chất hữu cơ diễn ra chậm nên đất giàu mùn, địa hình cao, độ dốc lớn nên tầng đất mỏng. | | *Cho biết giá trị sử dụng của nhóm đất mùn núi cao.* | Thích hợp trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. |   \* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4. Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **2. Ba nhóm đất chính**  ***a. Nhóm đất feralit***  - Chiếm tới 65% diện tích đất tự nhiên.  - Phân bố ở các tỉnh trung du và miền núi, từ độ cao 1600 đến 1700m trở xuống.  - Đặc điểm:  + Chứa nhiều oxit sắt và oxit nhôm tạo nên màu đỏ vàng.  + Có lớp vỏ phong hóa dày thoáng khí, dễ thoát nước, đất chua, nghèo các chất badơ và mùn.  - Giá trị sử dụng:  + Trong lâm nghiệp: thích hợp phát triển rừng sản xuất với các loại cây như thông, bạch đàn, xà cừ,...  - Trong nông nghiệp: trồng các cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, cao su,…), cây dược liệu (quế, hồi, sâm,…) và các loại cây ăn quả như: bưởi, cam, xoài…  ***b. Nhóm đất phù sa***  - Chiếm khoảng 24% diện tích đất tự nhiên.  - Phân bố chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng duyên hải miền Trung.  - Đặc điểm: có độ phì cao, rất giàu dinh dưỡng.  - Giá trị sử dụng:  + Trong nông nghiệp: sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm và cây ăn quả.  + Trong thủy sản: vùng đất phèn, đất mặn tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh bắt thuỷ sản. Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.  ***c. Nhóm đất mùn núi cao***  - Chiếm khoảng 11% diện tích đất tự nhiên.  - Phân bố rải rác ở các khu vực núi có độ cao từ 1600 - 1700 m trở lên.  - Đặc điểm: đất giàu mùn, tầng đất mỏng.  - Giá trị sử dụng: thích hợp trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. |

**2.3. *Tìm hiểu về Tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất. (45 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 9.6, 9.7 kết hợp kênh chữ SGK tr138, 139, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 3 SGK.  \* GV treo hình 9.6, 9.7 lên bảng.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS quan sát hình 9.6, 9.7 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2, 3, 4 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu thực trạng thoái hóa đất ở nước ta.* |  | | *Nguyên nhân nào gây nên tình trạng thoái hóa đất ở nước ta.* |  |   2. Nhóm 5, 6, 7, 8 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu hậu quả của việc thoái hóa đất ở nước ta.* |  | | *Nêu các biện pháp chống thoái hóa đất ở nước ta hiện nay.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát bản đồ hình 9.6, 9.7 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 3, 7 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 3 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu thực trạng thoái hóa đất ở nước ta.* | - Nhiều diện tích đất ở trung du và miền núi bị rửa trôi, xói mòn, bạc màu, trở nên khô cằn, nghèo dinh dưỡng; nguy cơ hoang mạc hoá có thể xảy ra ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.  - Đất ở nhiều vùng cửa sông, ven biển bị suy thoái do nhiễm mặn, nhiễm phèn, ngập úng. Diện tích đất phèn, đất mặn có xu hướng ngày càng tăng. | | *Nguyên nhân nào gây nên tình trạng thoái hóa đất ở nước ta.* | - Do tự nhiên: nước ta có ¾ diện tích đất ở vùng đồi núi, có độ dốc cao, lượng mưa lớn và tập trung theo mùa. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tình trạng hạn hán, ngập lụt, nước biển dâng.  - Do con người: nạn phá rừng lấy gỗ, đốt rừng làm nương gẫy, chưa quan tâm đến cải tạo đất, lạm dụng chất hóa học trong sản xuất. |   2. Nhóm 7 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu hậu quả của việc thoái hóa đất ở nước ta.* | Thoái hóa đất dẫn đến độ phì của đất giảm, mất chất dinh dưỡng, khiến năng suất cây trồng bị ảnh hưởng, thậm chí nhiều nơi đất bị thoái hóa nặng không thể sử dụng cho trồng trọt. | | *Nêu các biện pháp chống thoái hóa đất ở nước ta hiện nay.* | - Bảo vệ rừng và trồng rừng:  + Bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển;  + Trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc để hạn chế quá trình xói mòn đất.  - Củng cố và hoàn thiện hệ thống đê biển, hệ thống công trình thủy lợi để duy trì nước ngọt thường xuyên, hạn chế tối đa tình trạng khô hạn, mặn hoá, phèn hoá.  - Bổ sung các chất hữu cơ cho đất, nhằm: cung cấp chất dinh dưỡng, bổ sung các vi sinh vật cho đất và làm tăng độ phì nhiêu của đất. |   \* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **3. Tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất**  ***-*** Thực trạng:  + Nhiều diện tích đất ở trung du và miền núi bị rửa trôi, xói mòn, bạc màu, trở nên khô cằn, nghèo dinh dưỡng; nguy cơ hoang mạc hoá có thể xảy ra ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.  + Đất ở nhiều vùng cửa sông, ven biển bị suy thoái do nhiễm mặn, nhiễm phèn, ngập úng và có xu hướng ngày càng tăng.  - Biện pháp:  + Bảo vệ rừng và trồng rừng..  + Củng cố và hoàn thiện hệ thống đê biển, hệ thống công trình thủy lợi.  + Bổ sung các chất hữu cơ, các vi sinh vật cho đất và làm tăng độ phì nhiêu của đất. |

**3. Hoạt động luyện tập (10 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời câu hỏi sau:*Hoàn thành bảng về giá trị sử dụng của đất feralit và đất phù sa vào vở.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA ĐẤT FERALIT VÀ ĐẤT PHÙ SA Ở NƯỚC TA

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Gi á trị sử dụng** |
| Đất feralit | - Trong nông nghiệp: đất Feralit được khai thác và sử dụng chủ yếu để trồng các cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu; cây ăn quả,…  - Trong lâm nghiệp: đất feralit thích hợp để phát triển rừng sản xuất và nhiều loại cây gỗ lớn,… |
| Đất phù sa | - Trong nông nghiệp: phù sa là nhóm đất phù hợp để sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm và cây ăn quả.  - Trong thủy sản:  + Đất phù sa ở các cửa sông, ven biển có nhiều lợi thế để phát triển ngành thuỷ sản.  + Vùng đất phèn, đất mặn tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh bắt thuỷ sản.  + Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho nuôi trồng nhiều loại thuỷ sản nước lợ và nước mặn. |

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Tìm hiểu về tài nguyên đất ở địa phương (tỉnh/ thành phố) nơi em sinh sống và viết một báo cáo ngắn về một trong hai nội dung dưới đây:*

*Nội dung 1: Nhóm đất chủ yếu ở địa phương và giá trị sử dụng*

*Nội dung 2: Hiện tượng thoái hóa đất ở địa phương và biện pháp cải tạo*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau: (chọn dung 1)

Ví dụ: TPHCM hai nhóm đất chính:

- Đất xám phù sa cổ chiếm hầu hết phần phía bắc, tây bắc và đông bắc Thành phố, gồm phần lớn các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bắc Bình Chánh, Bắc – Ðông Bắc thành phố Thủ Đức và đại bộ phận khu vực nội thành cũ. Ðất xám tuy nghèo dinh dưỡng nhưng đất có tầng dày nên thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp hàng năm, cây thực phẩm…, có khả năng cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao, nếu áp dụng biện pháp luân canh, thâm canh tốt. Nền đất xám phù hợp đối với sử dụng bố trí các công trình xây dựng cơ bản.

- Đất phù sa tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều nguồn gốc: ven biển, vũng vịnh, sông biển, bãi bồi,... nên đã hình thành nhiều loại đất khác nhau, gồm nhóm đất phù sa, nhóm đất phèn và đất phèn mặn. Ngoài ra có một diện tích nhỏ là “giồng” cát gần biển tập trung ở Cần Giờ và đất feralit đỏ vàng bị xói mòn trơ sỏi đá phân bố ở vùng gò đồi thuộc Củ Chi, Thủ Đức. Loại đất phèn trung bình đang được khai thác để trồng lúa. Còn loại đất bị phèn nhiều hay đất phèn mặn được khai thác đề trồng mía, dứa (thơm) hay lạc (đậu phộng) phụ thuộc vào mức độ cải tạo đất. Đất phù sa thích hợp cho việc trồng lúa, đất mặn đang khai thác để trồng rừng, đặc biệt là đước.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Chiềng Ơn**  **Tổ: THCS** | Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Quy |

**BÀI 10. SINH VẬT VIỆT NAM**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 5 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật VN.

- Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở VN.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật VN.

+ Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở VN.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr138-141.

+ Sử dụng bản đồ hình 10.3 SGK tr142 để xác định các thảm thực vật và các loài động vật ở nước ta.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Tìm hiểu và viết báo cáo ngắn (15 đến 20 dòng) về một vườn quốc gia ở Việt Nam.

**3. Về phẩm chất:** Ý thức học tập nghiêm túc, ý thức bảo tồn đa dạng sinh học VN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí Việt Nam (ĐLVN)

- Hình 10.1. Sâm Ngọc Linh ở Nam Trà My, Quảng Nam, hình 10.2. Voọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, hình 10.3. Bản đồ phân bố sinh vật VN, hình 10.4. Hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới ở dãy Hoàng Liên Sơn, hình 10.5. Hệ sinh thái rạn san hô ở cù lao Chàm, Quảng Nam, hình 10.6. Đốt rừng làm nương rẩy ở Tây Nguyên.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” lên bảng:



**1 2 3**

****

****

**4 5 6**

\* GV lần lượt cho HS quan sát các hình trên theo thứ tự từ 1 đến 6, yêu cầu HS cho biết tên động vật tương ứng với mỗi hình trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát lần lượt các hình với sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**1. Báo đốm**

**2. Sư tử**

**3. Con voi**

**4. Tê giác**

**5. Hà mã**

**6. Con cáo**

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

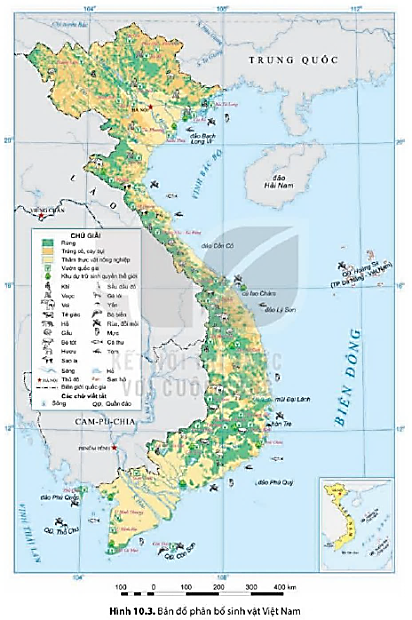
**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Việt Nam được đánh giá là quốc gia có sự đa dạng sinh học cao trên thế giới với nhiều loài động, thực vật khác nhau. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tài nguyên sinh vật của nước ta đang bị suy giảm đáng kể. Vậy nguyên nhân nào gây suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta và chúng ta cần làm gì để bảo vệ đa dạng sinh học? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

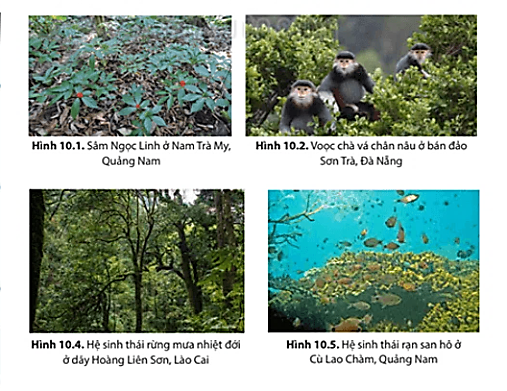
**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (105 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Sự đa dạng sinh vật ở VN (45 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS chứng minh được sự đa dạng của sinh vật VN.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 10.1 đến 10.5 kết hợp kênh chữ SGK tr138-140, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.





***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 10.1 đến 10.5 lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 10.1 đến 10.5 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Em hãy chứng minh sinh vật nước ta đa dạng về thành phần loài.*  *2. Kể tên và lên xác định trên bản đồ các loài động vật và thảm thực vật nước ta.*  *3. Em hãy chứng minh sinh vật nước ta đa dạng về gen di truyền.*  *4. Em hãy chứng minh sinh vật nước ta đa dạng về hệ sinh thái.*  *5. Vì sao sinh vật nước ta lại đa dạng và phong phú?*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát bản đồ hình 10.1 đến 10.5 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Ở nước ta đã phát hiện hơn 50.000 loài sinh vật, trong đó nhiều loài thực vật quý hiếm (Trầm hương, trắc, sâm Ngọc Linh, nghiến, gỗ gụ…) và động vật quý hiếm (Sao la, voi, bò tót, trĩ…).  2. HS kể tên và xác định:  - Các loài động vật: khỉ, vượn, voọc, gấu, hươu, sao la, voi, hổ, yến, tôm,...  - Các thảm thực vật: rừng kín thường xanh, rừng thưa, rừng tre nứa, rừng ngập mặn, rừng trên núi đá vôi, rừng trồng, thảm cỏ, cây bụi....  3. Số lượng các cá thể trong mỗi loài tương đối phong phú, tạo nên sự đa dạng về nguồn gen di truyền,…  4.  - Các hệ sinh thái trên cạn:  + Gồm kiểu rừng sinh thái khác nhau, phổ biến nhất là rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa với lớp phủ thực vật rậm rạp nhiều tầng, thành phần loài phong phú.  + Ngoài ra, còn có: trảng cỏ cây bụi, rừng cận nhiệt, rừng ôn đới núi cao,…  - Các hệ sinh thái tự nhiên dưới nước bao gồm: hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt.  + Các hệ sinh thái nước mặn (bao gồm cả các vùng nước lợ), điển hình là rừng ngập mặn, cỏ biển, rạn san hô, đầm phá ven biển,… và hệ sinh thái biển chia thành các vùng nước theo độ sâu.  + Các hệ sinh thái nước ngọt ở sông suối, ao, hồ đầm.  - Các hệ sinh thái nhân tạo hình thành do hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản rất đa dạng như:  + Hệ sinh thái đồng ruộng, vùng chuyên canh,..  + Hệ sinh thái nuôi trồng thủy sản,…  5. Nguyên nhân:  - Vị trí địa lí nằm trên đường di cư, di lưu của nhiều loài động vật.  - Môi trường sống thuận lợi: ánh sáng dồi dào, nhiệt độ cao, đủ nước, tầng đất sâu dày, vụn bỡ,…  - Ngoài các loài sinh vật bản địa chiếm khoảng 50%, nước ta còn là nơi tiếp xúc của nhiều luồng sinh vật di cư tới như Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a… chiếm khoảng 50%.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng:** Sao la là loài thú mới được phát hiện lần đầu tiên trên thế giới tại Việt Nam. Năm 1992, khi đang nghiên cứu Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tình, nằm gần biên giới Việt - Lào, các nhà khoa học thuộc Bộ Lâm nghiệp Việt Nam cũ (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) và Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) đã phát hiện loài thú quý hiếm này. | **1. Sự đa dạng sinh vật ở VN**  \* Đa dạng về thành phần loài: Ở nước ta đã phát hiện hơn 50.000 loài sinh vật, trong đó nhiều loài thực vật quý hiếm (Trầm hương, trắc, sâm Ngọc Linh, nghiến, gỗ gụ…) và động vật quý hiếm (Sao la, voi, bò tót, trĩ…).  \* Đa dạng về nguồn gen di truyền: số lượng các cá thể trong mỗi loài tương đối phong phú, tạo nên sự đa dạng về nguồn gen di truyền,…  \* Đa dạng về hệ sinh thái:  - Hệ sinh thái tự nhiên trên cạn như rừng kín thường xanh, rừng thưa, rừng tre nứa, rừng trên núi đá vôi,...  - Hệ sinh thái tự nhiên dưới nước: nước mặn, nước ngọt.  - Các hệ sinh nhân tạo: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của con người. |

**2.2. *Tìm hiểu về Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở VN. (60 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở VN.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 10.6 kết hợp kênh chữ SGK tr143-144 suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV treo hình 10.6 lên bảng.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 10.6 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2, 3 và 4 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Chứng minh đa dạng sinh học ở nước ta đang bị suy giảm.* |  | | *Cho biết số lượng lòai bị đe dọa ở nước ta theo báo cáo năm 2021?* |  | | *Nguyên nhân nào gây suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta?* |  |     2. Nhóm 5, 6, 7 và 8 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Đa dạng sinh học gây ra những hậu quả gì?* |  | | *Nêu ý nghĩa của việc bảo tồn đa dạng sinh học.* |  | | *Nêu một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát hình 10.6 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 1 và 5 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Chứng minh đa dạng sinh học ở nước ta đang bị suy giảm.* | - Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật: số lượng cá thể, các loài thực vật, động vật hoang dã suy giảm nghiêm trọng. Một số loài thực vật, động vật có nguy cơ tuyệt chủng, ví dụ như: nhiều loài cây gỗ quý (đinh, lim, sến, táu,…); nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm (voi, hổ, bò tót, tê giác,…)  - Suy giảm hệ sinh thái: Các hệ sinh thái rừng nguyên sinh bị phá hoại gần hết, chỉ còn chủ yếu là rừng thứ sinh; các hệ sinh thái rừng ngập mặn, các hệ sinh thái biển cũng đứng trước nguy cơ bị tàn phá bởi con người.  - Suy giảm nguồn gen: việc suy giảm số lượng cá thể cộng với suy giảm số lượng loài đã khiến nguồn gen suy giảm. | | *Cho biết số lượng lòai bị đe dọa ở nước ta theo báo cáo năm 2021?* | 75 loài thú, 57 loài chim, 75 loài bò sát, 53 loài lưỡng cư, 136 loài cá. | | *Nguyên nhân nào gây suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta?* | - Các yếu tố tự nhiên: bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng…  - Con người: khai thác lâm sản, đốt rừng, du canh du cư, đánh bắt quá mức, ô nhiễm môi trường,... |   2. Nhóm 5 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Đa dạng sinh học gây ra những hậu quả gì?* | - Mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người, đe dọa sự phát triển bền vững của Trái Đất.  - Ảnh hưởng đến an ninh lương thực làm cho con người phải đối mặt với nguy cơ đói nghèo, suy giảm nguồn gen và đặc biệt là biến đổi khí hậu dẫn đến hàng loạt các thảm họa thiên nhiên đe dọa cuộc sống của con người. | | *Nêu ý nghĩa của việc bảo tồn đa dạng sinh học.* | Đa dạng sinh học là yếu tố quyết định tính ổn định của các hệ sinh thái tự nhiên, là cơ sở sinh tồn của sự sống trong môi trường. Vì vậy việc bảo vệ đa dạng sinh học chính là bảo vệ môi trường sống của chúng ta. | | *Nêu một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta.* | - Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia.  - Trồng và bảo vệ rừng.  - Ngăn chặn nạn phá rừng, săn bắt động vật hoang dã.  - Xử lí các chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt.  - Nâng cao ý thức người dân. |   \* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4. Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **2. Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở VN**  ***\* Đa dạng sinh học ở nước ta đang bị suy giảm***  - Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật: nhiều loài động, thực vật có nguy cơ bị tuyệt chủng.  - Suy giảm về hệ sinh thái: các hệ sinh thái rừng nguyên sinh bị phá hoại gần hết.  - Suy giảm về nguồn gen.  ***\* Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học***  - Các yếu tố tự nhiên: bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng…  - Con người: khai thác lâm sản, đốt rừng, du canh du cư, đánh bắt quá mức, ô nhiễm môi trường,...  ***\* Một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta***  - Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia.  - Trồng và bảo vệ rừng.  - Ngăn chặn nạn phá rừng, săn bắt động vật hoang dã.  - Xử lí các chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt.  - Nâng cao ý thức người dân. |

**3. Hoạt động luyện tập (15 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào bảng số liệu SGK tr141 và kiến thức đã học, hãy trả lời câu hỏi sau:*Hãy nhận xét sự biến động diện tích rừng tự nhiên của Việt Nam giai đoạn 1943 -2020. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó?*

**

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào bảng số liệu SGK và kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**a. Nhận xét:**

- Giai đoạn từ 1943 - 1983: diện tích rừng tự nhiên có xu hướng giảm (7,5 triệu ha).

- Giai đoạn từ 1983 - 2020: diện tích rừng tự nhiên có xu hướng tăng (3,5 triệu ha)

**b. Nguyên nhân:**

- Giai đoạn 1943 - 1983, diện tích rừng giảm, do: hậu quả của chiến tranh; nạn khai thác rừng bừa bãi; hoạt động du canh, du cư của con người và một phần do cháy rừng.

- Giai đoạn 1983 - 2020, diện tích rừng tăng, do: chính sách bảo vệ, trồng và phát triển rừng của nhà nước; ý thức của người dân trong việc bảo vệ tài nguyên rừng được nâng cao.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Tìm hiểu và viết báo cáo ngắn (15 đến 20 dòng) về một vườn quốc gia ở Việt Nam.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thu thập thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau:

**Vườn quốc gia Cà Mau**

Vườn quốc gia Cà Mau nằm ở vùng cực Nam của Tổ Quốc. Hiện nay, tại Vườn Quốc Gia tại Cà Mau có khoảng 74 loài chim thuộc 23 họ; trong đó có 28 loài chim di trú và nhiều loài quý hiếm. Đặc biệt, nơi đây còn có nhiều động vật nằm trong sách đỏ của thế giới như: chim Sen; Chẳng bè, Đước đôi và Quao nước,… Thực vật đặc trưng của Vườn Quốc Gia Cà Mau gồm: sú, vẹt, đước, mắm… Động vật: rắn, cua, các loại cá nước lợ, ba khía, sóc, khỉ… Về thủy sản đã xác định được 139 loài cá, thuộc 21 bộ, 55 họ, 89 giống với nhiều loài quý hiếm và có giá trị kinh tế cao. Hiện đã xác định được 53 loài thân mềm thuộc 9 bộ, 28 họ và 8 giống. Đáng lưu ý là các loài cá ngựa đen; cá cháo lớn thuộc họ cá cháo. Bộ cá cháo biển là loài sống ven bờ và cửa sông đang có nguy cơ tuyệt chủng. Cũng như cá mòi không răng và sam ba gai có số lượng giảm mạnh.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.